

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-5-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Nguyễn Ngọc Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ D, Ấp I, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ D, Ấp I, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng B tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã, ông Bình thường say xỉn về chửi mắng, đánh bạc, đánh vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện tại, vợ chồng bà vẫn còn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc, thường xuyên về chửi con. Vợ chồng bà đã ly thân được 06 tháng trở

lại đây. Bà cảm thấy vợ chồng không thể hòa hợp sống chung với nhau được nữa. Nay bà yêu cầu ly hôn ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Hoàng B1, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 10/8/2014. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu T đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng B, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Hoàng B1, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 10/8/2014, bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy ông B đã được Tòa án triệu tập nhưng không có mặt, không có ý kiến về việc nuôi con; Cháu B1 và cháu N đều có nguyện vọng sống với bà T; Do đó, đề nghị xử giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng B, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1983, nơi cư trú tại Tổ D, Ấp I, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu T và ông Nguyễn Hoàng B tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2006, ngày 19/5/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà T cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông B hay say xỉn về chửi mắng, đánh vợ con, thường hay đánh bạc, không có trách nhiệm với gia đình, ông bà vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau, đã ly thân 06 tháng. Đối với bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T và ông B đến Tòa án để hòa giải cho ông bà đoàn tụ nhưng ông B không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Qua đó, cho thấy ông B đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông B, xử cho bà T ly hôn ông B.

Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Phan Hoàng B1, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 10/8/2014.

Xét thấy, cháu B1 và cháu N đang sống cùng bà T và ông B, cả hai cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với bà T. Đối với bà T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Đối với ông B đã được Tòa án triệu tập để ghi nhận ý kiến về con chung nhưng ông B không có mặt, không cung cấp ý kiến cho thấy ông B không có trách nhiệm với con, không mong muốn nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu B1 và cháu N cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã triệu tập cho ông B đến Tòa án giải quyết nhưng ông B vắng mặt không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có nợ chung. Tòa án đã triệu tập cho ông B đến Tòa án giải quyết nhưng ông B vắng mặt không có ý kiến trình bày nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng B nên bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu T đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng B về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho bà Phan Thị Thu T ly hôn ông Nguyễn Hoàng B.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Hoàng B1, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 10/8/2014.

Xử giao cháu Nguyễn Phan Hoàng B1, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Phan Bảo N, sinh ngày 10/8/2014 cho bà Phan Thị Thu T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà T, ông B vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015349 ngày 24/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Bà T đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Thu T, ông Nguyễn Hoàng B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND Thanh Phú Long (huyện Châu Thành, tỉnh Long An);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng

